

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2021/LĐ-ST

Ngày: 05/2/2021

V/v: “*Tranh chấp tiền lương, đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Yến***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Bà Nguyễn Thị Nhơn**

**2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân**

***Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An*** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà  
Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên.***

Vào các ngày 30 tháng 12 năm 2020, ngày 18 tháng 1 năm 2021 và ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2304/2019/TLST-LĐ ngày 12/12/2019 về việc “*Tranh chấp tiền lương, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 547/2020/QĐXXST – LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 320/2020/QĐST – LĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST – LĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ông Nguyễn V. D, sinh năm:1969***

***Địa chỉ: aa/yy đường ZZ, phường 3, Quận 11, Tp.HCM.***

***(Có đơn xin vắng mặt)***

***Bị đơn: Công ty CP QLN TC***

***Địa chỉ: bb đường c, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.***

***Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn D.T***

***Địa chỉ: 83/4F Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, TP.HCM***

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2019, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do nguyên đơn trình bày:***

Ngày 19/3/2019 nguyên đơn có nhận thư mời nhận việc qua email nhận việc của bị đơn, theo thư mời nhận việc ngày 19/3/2019 và Hợp đồng thử việc số 19030211/GH-HĐTV ngày 20/3/2019 lương cơ bản làm việc chính thức của nguyên đơn là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, thời gian thử việc hưởng 85% lương cơ bản

là 10.200.000 (mười triệu hai trăm ngàn) đồng. Thời gian thử việc bắt đầu từ ngày 20/3/2019 cho đến hết ngày 19/5/2019.

Theo hợp đồng thử việc đến hết ngày 19/5/2019 nguyên đơn đã hết thời gian thử việc, kể từ ngày 20/5/2019 nguyên đơn phải được nhận lương chính thức nhưng lương tháng 5/2019 chỉ nhận 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng) với lý do là căn cứ vào KPI đánh giá mục tiêu công việc (MTCV) nên nguyên đơn không được tính lương mà còn bị trừ thêm 1.000.000 (một triệu) đồng.

Vào ngày 12/6/2019, bị đơn ban hành công văn số 164/2019/TB-GH về việc Thông báo chấm dứt thời gian thử việc của nguyên đơn kể từ ngày 11/7/2019 với lý do nguyên đơn không nắm bắt công việc tại dự án cũng như sự hòa nhập văn hóa công ty của nguyên đơn chưa đạt yêu cầu. Do nguyên đơn không đồng tình về chấm dứt nên đã gửi đơn khiếu nại với bị đơn nhưng vẫn không nhận được sự phản hồi từ bị đơn.

Căn cứ pháp luật lao động quy định sau thời gian hoàn thành thử việc thì người lao động đương nhiên trở thành người lao động có thời hạn từ 12-36 tháng, việc chấm dứt hợp đồng lao động phải được thực hiện theo quy trình hợp đồng lao động có thời hạn. Do đó bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động như vậy là trái pháp luật.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn giải quyết các vấn đề sau:

1. Bồi thường 02 tháng lương do việc chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, mỗi tháng là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng; tổng số tiền phải trả là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.
2. Tiền lương bị trừ trái pháp luật trong các tháng 5, 6, 7/2019 gồm các khoản là 12.471.538 đồng; cụ thể như sau:
  - a) Tháng 5: 10.961.538 đồng – 9.200.000 đồng = 1.761.538 đồng (Lương thử việc 19 ngày:  $10.200.000/26 \text{ ngày} \times 15 = 5.884.615$  đồng; lương chính thức 10 ngày:  $12.000.000/26 \text{ ngày} \times 11 \text{ ngày} = 5.076.923$  đồng. Số tiền lương tháng 5 phải trả là 10.961.538 nhưng thực lãnh 9.200.000) đồng.
  - b) Tháng 6: 12.000.000 đồng – 10.256.000 đồng = 1.744.000 đồng (Số tiền lương tháng 6 phải trả là 12.000.000 đồng nhưng thực lãnh 10.256.000 đồng).
  - c) Tháng 7: 12.000.000 đồng – 3.034.000 đồng = 8.966.000 đồng (Số tiền lương tháng 7 phải trả là 12.000.000 đồng nhưng thực lãnh 3.034.000 đồng).
3. Tiền lương người sử dụng lao động phải trả cho người lao động trong thời gian cho nghỉ việc trái với pháp luật đến ngày có phán quyết của cơ quan chức năng giải quyết, tạm tính là 06 tháng lương với số tiền là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.
4. Trả tiền BHXH, BHYT và BHTN cho người lao động là 22% tiền lương mỗi tháng từ ngày 20/3/2019, cộng dồn 10 tháng là 220% lương với số tiền là 26.400.000 (hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tổng số tiền buộc Công ty CP QLNN phải trả 01 lần theo khoản (1) + (2) + (3) + (4) với số tiền là 134.871.538 (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn năm trăm ba mươi tám) đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2020, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khác, chỉ thay đổi phần là yêu cầu bị đơn phải đóng tiền BHXH, BHYT và BHTN cho người lao động từ 20/5/2019 đến ngày xét xử và không yêu cầu trở lại làm việc.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn có trụ sở tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh.

Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về Tiền lương và Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về lao động.

*- Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*- Về nội dung vụ án:*

Ông Nguyễn V. D làm việc tại Công ty CP QLN TC theo thư mời nhận việc qua email ngày 19/3/2019 và Hợp đồng thử việc số 19030211/GH-HĐTV/2019 ngày 20/3/2019 với nội dung: Ông Dấu làm việc với vị trí Trưởng ban quản lý, thời gian thử việc 02 tháng từ ngày 20/3/2019 đến 19/5/2019, được nhận lương từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, mức lương: 10.200.000 đồng (85% lương chính thức).

Ngày 12/6/2019, bị đơn ban hành công văn số 164/2019/TB-GH về việc Thông báo chấm dứt thời gian thử việc của nguyên đơn với lý do không thấy khả năng nắm bắt công việc tại dự án cũng như sự hòa nhập văn hóa công ty của nguyên đơn chưa đạt yêu cầu.

### **Về xác định quan hệ hợp đồng lao động:**

Theo Khoản 1 Điều 27 Bộ luật lao động quy định: Thời gian thử việc căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc 01 lần đối với một công việc và không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên. Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 29 Bộ luật lao động quy định: “Khi việc làm thử đạt yêu cầu thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động” và theo Điều 7 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 quy định: “Trước khi kết thúc thời gian thử việc, người sử dụng lao động phải thông báo cho người lao động kết quả công việc người lao động đã làm thử; trường hợp công việc làm thử đạt yêu cầu thì người sử dụng lao động phải giao kết ngay hợp đồng lao động với người lao động”. Trong quá trình thử việc cũng như hết thời gian thử việc là ngày 19/5/2019, ông Dấu cũng không nhận được bất kỳ thông báo kết quả thử việc nên ông vẫn tiếp tục làm việc tại công ty. Do đó đến ngày 12/6/2019, bị đơn mới ban hành công văn số 164/2019/TB-GH về việc Thông báo chấm dứt thời gian thử việc của nguyên đơn là không đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn sau khi hết thời gian thử việc là quan hệ hợp đồng lao động.

### **Về tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động:**

Ngày 12/6/2019, bị đơn ban hành công văn số 164/2019/TB-GH về việc Thông báo chấm dứt thời gian thử việc của nguyên đơn với lý do không thấy khả năng nắm bắt công việc tại dự án cũng như sự hòa nhập văn hóa công ty của nguyên đơn chưa đạt yêu cầu (thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động năm 2012). Tại thời điểm bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn, pháp luật lao động không có quy định nào được áp dụng làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ, căn cứ để xác định người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động như sau:

“1. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động là không hoàn thành định mức lao động hoặc nhiệm vụ được giao do yếu tố chủ quan và bị lập biên bản hoặc nhắc nhở bằng văn bản ít nhất hai lần trong một tháng, mà sau đó vẫn không khắc phục.

Mức độ không hoàn thành công việc được ghi trong hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động của đơn vị.”

Theo công văn trả lời của Phòng Lao Động Thương binh và Xã hội quận Bình Thạnh vào ngày 24/8/2020, thì từ khi Công ty CP QLN TC thực hiện khai trình việc sử dụng lao động khi bắt đầu hoạt động đến nay chưa thực hiện đăng ký Nội quy lao động. Ngoài ra, trong quá trình làm việc tại công ty thì nguyên đơn chưa bị lập biên bản hoặc nhắc nhở bằng văn bản ít nhất hai lần trong một tháng, mà sau đó vẫn không khắc phục. Do đó, không có căn cứ để đánh giá mức độ không hoàn thành công việc của người lao động.

Từ nhận định trên có cơ sở xác định Công ty CP QLN TC đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với ông Nguyễn V. D.

### **Về tính hợp pháp việc trả lương cho người lao động:**

Theo Hợp đồng thử việc đến hết ngày 19/5/2019 nguyên đơn đã hết thời gian thử việc, kể từ ngày 20/5/2019 nguyên đơn phải được nhận lương chính thức nhưng lương tháng 5/2019 chỉ nhận 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng. Khi thắc mắc được Phòng nhân sự trả lời rằng Công ty CP QLN TC áp dụng cái gọi là KPI đánh giá mục tiêu công việc (MTCV) nên nguyên đơn không được tính lương mà còn bị trừ thêm 1.000.000 (một triệu) đồng. Vào tháng 6/2019 nguyên đơn được nhận lương là 10.256.000 (mười triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn) đồng và tháng 7 nguyên đơn được nhận lương là 3.034.000 (ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Theo Điều 101 của Bộ luật Lao động năm 2012 chỉ có 01 trường hợp duy nhất người sử dụng lao động được phép khấu trừ lương của người lao động. Đó là trường hợp người lao động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị của người sử dụng lao động. Do đó việc trừ lương của nguyên đơn theo bảng đánh giá mục tiêu công việc là không đúng với quy định của pháp luật.

Vì vậy đối với yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền lương bị trừ trái pháp luật trong các tháng 5,6,7 năm 2019 cho nguyên đơn với số tiền 12.471.538 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Theo khoản 1 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 thì người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó yêu cầu bồi thường 02 tháng lương do việc chấm dứt hợp đồng trái pháp luật, trả tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp những ngày nguyên đơn không được làm việc là có cơ sở chấp nhận như sau:

1. Đối với yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động:  
 $12.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 24.000.000 \text{ đồng}$

2. Đối với yêu cầu trả lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/8/2019 đến 05/2/2021 là 17 tháng 5 ngày:

$[(12.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng}) + (12.000.000 \text{ đồng} : 26 \times 5 \text{ ngày})] = 206.307.692 \text{ đồng}$

3. Về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Buộc bị đơn phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn trong thời gian nguyên đơn không được làm việc từ ngày 20/5/2019 đến ngày 05/2/2021 theo mức lương 12.000.000 đồng/tháng, tỉ lệ đóng bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm thất nghiệp.

- Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án lao động sơ thẩm theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 42, Điều 101, khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012;

- Áp dụng Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V. D đối với Công ty CP QLN TC về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

- Buộc Công ty CP QLN TC có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn V. D số tiền 242.779.330 đồng như sau:

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 12.000.000 đồng x 2 = 24.000.000 đồng

+ Trả lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 01/8/2019 đến 05/2/2021:

$[(12.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng}) + (12.000.000 \text{ đồng} : 26 \times 5 \text{ ngày})] = 206.307.692 \text{ đồng}$

+ Trả lại tiền lương bị trừ trái pháp luật trong các tháng 5,6,7 năm 2019 cho nguyên đơn với số tiền 12.471.538 đồng.

- Buộc Công ty CP QLN TC phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn V. D trong thời gian ông Nguyễn V. D không được làm việc từ ngày 20/5/2019 đến ngày 05/2/2021 theo mức lương 12.000.000 đồng/tháng, tỉ lệ đóng bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm thất nghiệp.

Ông Nguyễn V. D phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 20/5/2019 đến ngày 05/2/2021 theo mức lương 12.000.000

đồng/tháng, tỉ lệ đóng bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật bảo hiểm thất nghiệp.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Công ty CP QLN TC không có trách nhiệm nhận ông Nguyễn V. D trở lại làm việc, do ông Nguyễn V. D không muốn trở lại làm việc.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: là 7.283.377 đồng Công ty CP QLN TC phải nộp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh;
- Các đương sự
- LưuVP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Vũ Thị Ngọc Yến**

